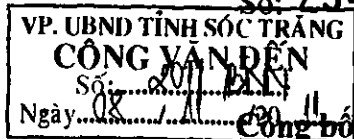


**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2541** /QĐ-BNN-TCLN

Hà Nội, ngày **26** tháng **10** năm 2011



QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 34/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng;

Căn cứ Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng; Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Lâm nghiệp và Chánh Văn phòng Bộ,

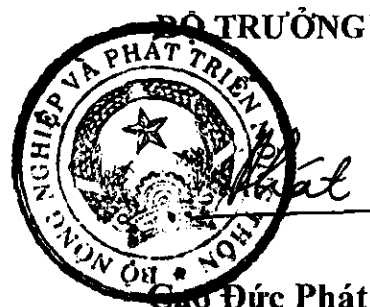
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này: 04 thủ tục hành chính mới ban hành; 37 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 26 thủ tục hành chính được thay thế; 19 thủ tục hành chính bị hủy bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chi tiết tên, nội dung thủ tục hành chính có phụ biểu và file đính kèm)

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Thủ trưởng các Tổng cục, vụ, cục, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, TCLN.



VP. UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 2507/SY - VP

Nơi nhận

- Sở NN&PTNT;
- UBND huyện, TX, TP.

SAO Y BẢN CHÍNH

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 11 năm 2011

TL. CHÁNH VĂN PHÒNG

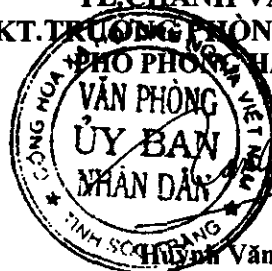
KT. TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH

PHÓ PHÒNG HÀNH CHÍNH

VĂN PHÒNG

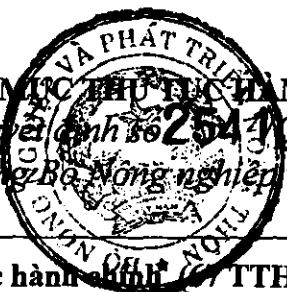
ỦY BAN

NHÂN DÂN



Huỳnh Văn Cường

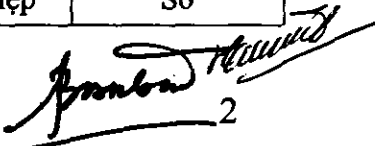
THỦ TỤC DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC CÔNG BỐ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-BNN ngày 26 tháng 10 năm 2011
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



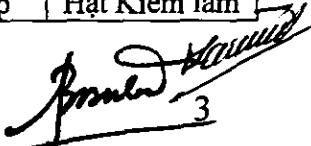
TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp Trung ương		
1.	Cấp giấy phép xuất nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
2.	Công nhận vườn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
3.	Khôi phục hiệu lực thi hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật thuộc thẩm quyền Bộ NN và PTNT (lĩnh vực Lâm nghiệp)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
4.	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng Bộ NN & PTNT quản lý	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
5.	Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp mới (khảo nghiệm quốc gia)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
6.	Cải tạo rừng (đối với Vườn Quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
7.	Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại Bộ NN và PTNT (đối với giống mới đăng ký công nhận áp dụng trên địa bàn của hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
8.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc nhóm thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (phạm vi giải quyết của Bộ NN&PTNT)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
9.	Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Thủ tướng Chính phủ xác lập	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
II	TTHC cấp tỉnh		
10.	Công nhận cây trội (cây mẹ)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
11.	Công nhận lâm phần tuyển chọn	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
12.	Công nhận rừng giống chuyển hoá	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
13.	Công nhận rừng giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
14.	Công nhận vườn cây đầu dòng	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
15.	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
16.	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
17.	Chặt nuôi dưỡng rừng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
18.	Cải tạo rừng (đối với chủ rừng: không phải hộ gia đình, cá nhân, không phải Vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ NN và PTNT)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT

Trần Văn Hùng

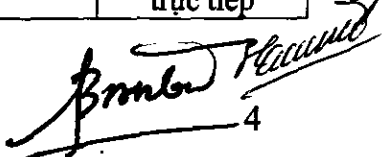
19.	Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
20.	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
21.	Khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
22.	Phê duyệt Phương án khai thác của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
23.	Phê duyệt Phương án Điều chế rừng, Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
24.	Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
25.	Khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức (đối với các loại lâm sản có trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
26.	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
27.	Khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của các tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
28.	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề đối với chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
29.	Khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
30.	Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
31.	Đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng các loài động vật, thực vật hoang dã thông thường	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
32.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
33.	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
34.	Giao nộp gấu cho nhà nước	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
35.	Cho thuê rừng đối với tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
36.	Giao rừng đối với tổ chức	Lâm nghiệp	Sở


2

			NN&PTNT
37.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (<i>chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài</i>)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
38.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
III TTHC cấp huyện			
39.	Cải tạo rừng (đối với hộ gia đình, cá nhân)	Lâm nghiệp	UBND huyện
40.	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Lâm nghiệp	UBND huyện
41.	Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp huyện
42.	Phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	UBND huyện
43.	Khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	UBND huyện
44.	Khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là hộ gia đình (đối với các loại lâm sản có trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	UBND huyện
45.	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND huyện
46.	Khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND huyện
47.	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	UBND huyện
48.	Khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	UBND huyện
49.	Cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm


3

50.	Đóng dấu búa kiểm lâm	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm, Đội KL cơ động
51.	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp	UBND huyện
52.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	Lâm nghiệp	UBND huyện
53.	Giao rừng cho hộ gia đình cá nhân	Lâm nghiệp	UBND huyện
54.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện (<i>chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn</i>)	Lâm nghiệp	UBND huyện
VI	TTHC cấp xã		
55.	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	UBND xã
56.	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND xã
57.	Khai thác cây trồng trong vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán	Lâm nghiệp	UBND xã
58.	Khai thác tận dụng các cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh đối với rừng trồng tự đầu tư hoặc nhà nước hỗ trợ	Lâm nghiệp	UBND xã
59.	Khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức; chủ rừng là hộ gia đình (trừ các loài trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).	Lâm nghiệp	UBND xã
60.	Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND xã
61.	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)	Lâm nghiệp	UBND xã
62.	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)	Lâm nghiệp	UBND xã
V	TTHC thực hiện ở cơ quan đơn vị khác		
63.	Cho phép trồng cao su trên diện tích rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ đối với tổ chức không thuộc tỉnh B-BNN 036045-TT	Lâm nghiệp	Đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp
64.	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh	Lâm nghiệp	Đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp


4


65.	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách)	Lâm nghiệp	Đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp
66.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thông thường trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học	Lâm nghiệp	BQL rừng đặc dụng
67.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc nhóm thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (phạm vi giải quyết của Ban quản lý rừng đặc dụng)	Lâm nghiệp	BQL rừng đặc dụng

Nguyễn Văn...
5

Phụ lục I:

1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số **254** /QĐ-BNN ngày **26** tháng **10** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên thủ tục hành chính (4 TTHC)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp tỉnh		
1.	Khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
2.	Phê duyệt Phương án khai thác của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
II	TTHC cấp huyện		
3.	Phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	UBND huyện
4.	Khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là hộ gia đình.	Lâm nghiệp	UBND huyện

Huân


2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2541**/QĐ-BNN ngày **26** tháng **10** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên thủ tục hành chính (37 TTHC)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp Trung ương		
1.	Cấp giấy phép xuất nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
2.	Công nhận vườn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
3.	Khôi phục hiệu lực thi hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật thuộc thẩm quyền Bộ NN và PTNT (lĩnh vực Lâm nghiệp)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
4.	Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng Bộ NN & PTNT quản lý	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
5.	Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp mới (khảo nghiệm quốc gia)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
6.	Cải tạo rừng (đối với Vườn Quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
7.	Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại Bộ NN và PTNT (đối với giống mới đăng ký công nhận áp dụng trên địa bàn của hai tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
8.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc nhóm thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (phạm vi giải quyết của Bộ NN&PTNT)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
9.	Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Thủ tướng Chính phủ xác lập	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
II	TTHC cấp tỉnh		
10.	Công nhận cây trội (cây mẹ)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
11.	Công nhận lâm phần tuyển chọn	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
12.	Công nhận rừng giống chuyển hoá	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
13.	Công nhận rừng giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
14.	Công nhận vườn cây đầu dòng	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
15.	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
16.	Cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
17.	Chặt nuôi dưỡng rừng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
18.	Cải tạo rừng (đối với chủ rừng: không phải hộ gia đình, cá nhân, không phải Vườn quốc gia, đơn vị sự	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT

Handwritten signatures and stamps at the bottom left of the page.

	nghiệp thuộc Bộ NN và PTNT)		
19.	Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND cấp tỉnh xác lập	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
20.	Đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng các loài động vật, thực vật hoang dã thông thường	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
21.	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
22.	Cấp giấy phép vận chuyển gấu	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
23.	Giao nộp gấu cho nhà nước	Lâm nghiệp	Chi cục kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
24.	Cho thuê rừng đối với tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
25.	Giao rừng đối với tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
26.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (<i>chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài</i>)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
27.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
III	TTHC cấp huyện		
28.	Cải tạo rừng (đối với hộ gia đình, cá nhân)	Lâm nghiệp	UBND huyện
29.	Cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm
30.	Đóng dấu búa kiểm lâm	Lâm nghiệp	Hạt Kiểm lâm, Đội KL cơ động
31.	Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp	UBND huyện
32.	Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn	Lâm nghiệp	UBND huyện
33.	Giao rừng cho hộ gia đình cá nhân	Lâm nghiệp	UBND huyện
34.	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng;	Lâm nghiệp	UBND huyện

Huân
Bruno

	chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện (<i>chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn</i>)		
IV	TTHC cấp xã		
V	TTHC thực hiện ở cơ quan đơn vị khác		
35.	Cho phép trồng cao su trên diện tích rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ đối với tổ chức không thuộc tỉnh B-BNN 036045-TT	Lâm nghiệp	Đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp
36.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thông thường trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học	Lâm nghiệp	BQL rừng đặc dụng
37.	Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc nhóm thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (phạm vi giải quyết của Ban quản lý rừng đặc dụng)	Lâm nghiệp	BQL rừng đặc dụng

Huân
Bornd

3. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số **2541**/QĐ-BNN ngày **26** tháng **10** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

3.1. Thủ tục hành chính thay thế (quy định tại Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT và Thông tư 35/2011/TT-BNNPTNT):

TT	Tên thủ tục hành chính thay thế (26 TTHC)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp tỉnh		
1	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
2	Phê duyệt Phương án Điều chế rừng, Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
3	Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
4	Khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức (đối với các loại lâm sản có trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
5	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
6	Khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của các tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
7	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề đối với chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách)	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
8	Khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
9	Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
III	TTHC cấp huyện		
10	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	Lâm nghiệp	UBND huyện
11	Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND huyện
12	Khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là hộ gia đình (đối với các loại lâm sản có trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	UBND huyện
13	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND huyện
14	Khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để	Lâm	UBND huyện

Handwritten signature and stamp

	xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của chủ rừng là hộ gia đình	nghiệp	
15	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	UBND huyện
16	Khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy và tận thu các loại gỗ nằm, góc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)	Lâm nghiệp	UBND huyện
IV	TTHC cấp xã		
17	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	UBND xã
18	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND xã
19	Khai thác cây trồng trong vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán	Lâm nghiệp	UBND xã
20	Khai thác tận dụng các cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, góc, rễ, cành nhánh đối với rừng trồng tự đầu tư hoặc nhà nước hỗ trợ	Lâm nghiệp	UBND xã
21	Khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức; chủ rừng là hộ gia đình (trừ các loài trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).	Lâm nghiệp	UBND xã
22	Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình	Lâm nghiệp	UBND xã
23	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)	Lâm nghiệp	UBND xã
24	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)	Lâm nghiệp	UBND xã
V	TTHC thực hiện ở cơ quan, đơn vị khác		
25	Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh	Lâm nghiệp	Đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp
26	Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách)	Lâm nghiệp	Đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp

3.2. Thủ tục hành chính bị thay thế (quy định tại quyết định 40/2005/QĐ-BNN và Thông tư số 58/2009/TT-BNN hướng dẫn trồng cây cao su trên đất lâm nghiệp):

TT	Tên thủ tục hành chính bị thay thế (33 TTHC)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp Trung ương		
1	Thẩm định và phê duyệt phương án điều chế rừng cho các chủ rừng là tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý -B-	Lâm nghiệp	Tổng cục lâm nghiệp

Handwritten signatures and stamps.

	BNN-114592-TT		
2	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép tận thu gỗ đối với các khu rừng đặc dụng do tổ chức thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý - B-BNN-036000-TT	Lâm nghiệp	Tổng cục lâm nghiệp
II	TTHC cấp tỉnh		
3	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên nghèo kiệt đối với các tổ chức doanh nghiệp B-BNN 035970-TT	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	Cho phép trồng cao su trên diện tích rừng trồng bằng vốn ngân sách hoặc vốn viện trợ đối với tổ chức B-BNN 035941-TT	Lâm nghiệp	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	Thẩm định và phê duyệt phương án điều chế rừng cho các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh B-BNN 003900 -TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
6	Phê duyệt hồ sơ thiết kế khai thác chính gỗ rừng tự nhiên cho chủ rừng - B-B-BNN-003915-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
7	Cấp phép khai thác chính gỗ rừng tự nhiên cho các chủ rừng B-BNN 003940-TT	Lâm nghiệp	UBND tỉnh
8	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên của các tổ chức thuộc tỉnh - B-BNN 003956-TT.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
9	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép tận thu gỗ nằm trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên của tổ chức - B-BNN 003973 -TT.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
10	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của các tổ chức thuộc tỉnh - B-BNN-003982-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
11	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức thuộc tỉnh - B-BNN 004014 -TT.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
12	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác, tận thu gỗ trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên đối với các tổ chức - B-BNN 004031 -TT.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
13	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do Nhà nước đầu tư của các tổ chức thuộc tỉnh - B-BNN 004048 -TT.	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
14	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do Ban quản lý hoặc bên khoán tự đầu tư của các tổ chức thuộc tỉnh. - B-BNN 004057 -TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
15	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trong rừng phòng hộ khi chuyển mục đích sử dụng rừng của các tổ chức thuộc tỉnh - B-BNN 004074 -TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
16	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép tận thu gỗ đối với các khu rừng đặc dụng của tổ chức không thuộc Bộ NN&PTNT quản lý	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
III	TTHC cấp huyện		
17	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên nghèo kiệt đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư - B-BNN-035985-TT	Lâm nghiệp	UBND huyện
18	Cho phép trồng cao su trên đất rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân - B-BNN-035960-TT	Lâm nghiệp	UBND huyện
19	Thẩm định và phê duyệt phương án điều chế rừng của các	Lâm	UBND huyện

Nguyễn Văn...

	hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư - B-BNN-114595-TT	ng nghiệp	
20	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên của các hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư thôn - B-BNN 003962 -TT .	Lâm nghiệp	UBND huyện
21	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép tận thu gỗ nằm trong rừng sản xuất là rừng tự nhiên của hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư thôn - B-BNN 003978 -TT .	Lâm nghiệp	UBND huyện
22	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn - B-BNN-004001-TT	Lâm nghiệp	UBND huyện
23	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng, gỗ vườn, cây trồng phân tán, tự đầu tư gây trồng và vay ưu đãi của các tổ chức, doanh nghiệp thuộc tỉnh - B-BNN 004028 -TT	Lâm nghiệp	UBND huyện
24	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do bên khoán tự đầu tư của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn - B-BNN 004068 -TT	Lâm nghiệp	UBND huyện
25	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tận dụng gỗ trong rừng phòng hộ khi chuyển mục đích sử dụng rừng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn - B-BNN 004079 -TT .	Lâm nghiệp	UBND huyện
26	Cấp phép khai thác rừng trồng của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn bằng vốn viện trợ, vốn ngân sách nhà nước - B-BNN 114596-TT .	Lâm nghiệp	UBND huyện
27	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác, tận thu gỗ trong rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn - B-BNN 004029 -TT .	Lâm nghiệp	UBND huyện
IV	TTHC cấp xã		
28	Phê duyệt, cấp phép khai thác lâm sản trữ gỗ, tre nứa thuộc lâm phần do UBND cấp xã quản lý - B-BNN-004010-TT .	Lâm nghiệp	UBND xã
V	TTHC thực hiện ở cơ quan đơn vị khác		
29	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của các tổ chức không thuộc tỉnh (Tổng công ty, công ty) B-BNN 003991-TT	Lâm nghiệp	Tổng công ty, Công ty
30	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng bằng vốn ngân sách, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức không thuộc tỉnh - B-BNN 004022-TT	Lâm nghiệp	Tổng công ty, Công ty
31	18. Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng, gỗ vườn, cây trồng phân tán, tự đầu tư gây trồng và vay ưu đãi, của các tổ chức, doanh nghiệp không thuộc tỉnh - B-BNN 004028-TT	Lâm nghiệp	Tổng công ty, Công ty
32	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do Nhà nước đầu tư của các tổ chức không thuộc tỉnh - B-BNN 004052-TT	Lâm nghiệp	Tổng công ty, Công ty
33	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ rừng trồng phòng hộ do Ban quản lý hoặc bên khoán tự đầu tư của các tổ chức không thuộc tỉnh - B-BNN 004064 -TT	Lâm nghiệp	Tổng công ty, Công ty

4. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ HỦY BỎ HOẶC BÀI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số **254/VQĐ-BNN** ngày **26 tháng 10** năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên thủ tục hành chính (19 TTHC)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	TTHC cấp Trung ương		
1	Hủy bỏ chứng chỉ công nhận vườn giống - B-BNN-003881-TT	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
2	Tạm dừng quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật thuộc thẩm quyền Bộ Nông nghiệp và PTNT (lĩnh vực lâm nghiệp)	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
3	Hủy bỏ chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới - B-BNN-039286-TT	Lâm nghiệp	Tổng cục Lâm nghiệp
II	TTHC cấp tỉnh		
4	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp chính - B-BNN-003722-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
5	Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với giống mới đăng ký công nhận áp dụng chỉ trên địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) - B-BNN-039181-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
6	Hủy bỏ chứng chỉ công nhận nguồn giống (5 loại: cây trội, lâm phần tuyển chọn, rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng, vườn cây đầu dòng) - B-BNN-003874-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
7	Khôi phục hiệu lực thi hành Quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật thuộc thẩm quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - B-BNN-039737-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
8	Thông báo đóng cửa rừng khai thác gỗ - B-BNN-003949-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
9	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng khoanh nuôi do nhà nước đầu tư vốn của các tổ chức - B-BNN-004033-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
10	Tiếp nhận gấu - B-BNN-003667-TT	Lâm nghiệp	Chi cục Kiểm lâm hoặc Sở NN&PTNT
11	Thanh toán tiền mua gạo và tiền vận chuyển gạo (cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở miền núi trồng rừng thay thế nương rẫy) - B-BNN-082571-TT	Lâm nghiệp	Kho bạc nhà nước
12	Phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng khoanh nuôi do chủ rừng tự đầu tư của tổ chức (mục đích thương mại)- B-BNN-114599-TT	Lâm nghiệp	Sở NN&PTNT
III	TTHC cấp huyện		
13	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng khoanh nuôi do nhà nước đầu tư vốn của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn - B-BNN-004036-TT	Lâm nghiệp	UBND huyện
14	Khai thác gỗ rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh do	Lâm nghiệp	UBND huyện

Huỳnh
Phan

	chủ rừng tự bỏ vốn (khoanh nuôi trên đất có rừng) – B-BNN-035932-TT		
15	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng khoanh nuôi do chủ rừng tự đầu tư vốn của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (mục đích thương mại) – B-BNN-114600-TT	Lâm nghiệp	UBND huyện
IV	TTHC cấp xã		
16	Phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác gỗ trong rừng phòng hộ là rừng khoanh nuôi do chủ rừng tự đầu tư vốn của các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn (Giải quyết nhu cầu gỗ gia dụng) – B-BNN-004039-TT	Lâm nghiệp	UBND xã
17	Khai thác gỗ rừng tự nhiên khoanh nuôi tái sinh do chủ rừng tự bỏ vốn (khoanh nuôi trên đất không có rừng) – B-BNN-036037-TT	Lâm nghiệp	UBND xã
18	Thu hồi rừng đối với các trường hợp quy định tại điểm k khoản 1 Điều 26 Luật Bảo vệ và phát triển rừng – B-BNN-038650-TT	Lâm nghiệp	UBND xã
V	TTHC thực hiện ở cơ quan đơn vị khác		
19	Giao, khoán đất, cây trồng, vật nuôi, hiện trạng các loại rừng và tài sản trên đất lâm nghiệp – B-BNN-115437-TT	Lâm nghiệp	BQL rừng phòng hộ, đặc dụng

Huỳnh
BNN

Phụ lục II.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

01. Cấp giấy phép xuất, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Tổng cục Lâm nghiệp
- Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp hoặc qua Bưu điện.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua Bưu điện

3. Hồ sơ

- Đơn xin xuất, nhập khẩu giống
- Hợp đồng mua bán giống hoặc giấy cho tặng của đối tác;
- Số lượng bộ hồ sơ: không

4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp thẩm định và trình Bộ trưởng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép cho tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn.

5. Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu đơn theo Phụ lục 13 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT

8. Lệ phí:

- Lệ phí: Cấp giấy phép xuất, nhập khẩu giống
- Mức lệ phí: 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng)

9. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy phép cho xuất, nhập khẩu giống

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 28, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
- Khoản 8, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
- Khoản VI, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giống cây trồng

02. Công nhận vườn giống cây trồng lâm nghiệp

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Tổng cục Lâm nghiệp
- Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ

- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp hoặc qua Bưu điện

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Thành phần hồ sơ

- Đơn xin công nhận vườn giống cây trồng lâm nghiệp
- Báo cáo kỹ thuật về vườn giống (hữu tính hoặc vô tính)
- Số lượng bộ hồ sơ: không

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Tổng cục Lâm nghiệp phải thông báo cho tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp phải hoàn thành công tác thẩm định.
- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định, Tổng cục lâm nghiệp cấp chứng chỉ công nhận vườn giống cho tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai

- Mẫu đơn theo Phụ lục 04, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
- Mẫu báo cáo kỹ thuật theo Phụ lục 12 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí

- Lệ phí công nhận vườn giống.
- Mức lệ phí: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng)

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định và chứng chỉ công nhận vườn giống

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 13, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
- Khoản 4, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
- Khoản III, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giống cây trồng

03. Khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận tiến bộ kỹ thuật

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Tổng cục Lâm nghiệp
- Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ

- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị khôi phục hiệu lực thi hành quyết định công nhận TBKT
- Báo cáo kỹ thuật hiện trạng TBKT đề nghị khôi phục
- Số lượng: không

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Tổng cục Lâm nghiệp phải thông báo cho tổ chức hoặc cá nhân dừng đơn biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp phải có kết quả giải quyết cho tổ chức hoặc cá nhân dừng đơn.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai

- Mẫu đơn theo Phụ lục 21, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng
- Mẫu báo cáo kỹ thuật theo Phụ lục 22 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí : Không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định khôi phục hiệu lực

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 10, Quyết định số 86/2008/QĐ-BNN ngày 11 tháng 8 năm 2008 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế công nhận TBKT ngành nông nghiệp và PTNT.
- Điều 8, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

04. Phê duyệt hồ sơ thiết kế chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý

1. Trình tự thực hiện

- Ban quản lý rừng đặc dụng (do Bộ quản lý) nộp hồ sơ tại Tổng cục Lâm nghiệp
- Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua Bưu điện

3. Hồ sơ

a) Hồ sơ gồm:

- Tờ trình thẩm định hồ sơ

- Chủ trương cho phép chặt nuôi dưỡng của Bộ Nông nghiệp và PTNT
- Thiết kế kỹ thuật chặt nuôi dưỡng.

b) Số lượng: 01 bản

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp phải có kết quả giải quyết.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các ban quản lý rừng đặc dụng do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

7. Mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu tờ trình theo Phụ lục 19, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng
- Mẫu thiết kế chặt nuôi dưỡng theo Phụ lục 20 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí: không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm a, Khoản 9.4, Mục II, Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn một số điều về Quy chế quản lý rừng.
- Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

05. Khảo nghiệm giống cây trồng lâm nghiệp (Khảo nghiệm quốc gia)

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Cơ sở khảo nghiệm được Bộ NN và Phát triển nông thôn công nhận
- Cơ sở khảo nghiệm kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Cơ sở khảo nghiệm

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua Bưu điện

3. Hồ sơ

Đơn đăng ký khảo nghiệm

Hồ sơ giống cây trồng

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Cơ sở khảo nghiệm phải thông báo cho tổ chức hoặc cá nhân dừng đơn biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, tổ chức, cá nhân dừng đơn nhận kết quả tại cơ sở khảo nghiệm.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ sở khảo nghiệm
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ sở khảo nghiệm
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai: - Mẫu đơn theo Phụ lục 11, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí : Không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản chấp thuận

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

6. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Điều 6, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

06. Cải tạo rừng (đối với VQG, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ)

1. Trình tự thực hiện

- Các vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ NN&PTNT nộp hồ sơ tại Tổng cục Lâm nghiệp
- Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp

2. Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Hồ sơ

Đơn đề nghị cho phép cải tạo rừng

Dự án cải tạo rừng

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Tổng cục Lâm nghiệp phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Tổng cục Lâm nghiệp phải có báo cáo thẩm định trình Bộ NN&PTNT phê duyệt.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và PTNT
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

7. Mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cải tạo rừng theo Phụ lục 16, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

- Mẫu Dự án cải tạo rừng theo Phụ lục 17 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí: không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Khoản 2.4, Mục II, Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn một số điều về Quy chế quản lý rừng.

- Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

07. Công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới tại Bộ Nông nghiệp và PTNT (Đối với giống mới đăng ký công nhận áp dụng trên địa bàn của 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên)

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Tổng cục Lâm nghiệp
- Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp

2. Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Hồ sơ

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới;
- Báo cáo kết quả khảo nghiệm và sản xuất thử giống cây trồng mới;
- Ý kiến nhận xét của đơn vị tham gia khảo nghiệm;

b) Số lượng: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Tổng cục lâm nghiệp phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được biên bản thẩm định của Hội đồng thẩm định lập, Tổng cục Lâm nghiệp trình Bộ trưởng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới.

5. Cơ quan thực hiện TTHC

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu đơn 02 ban hành kèm theo Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

8. Lệ phí: Không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định và chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 8, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Khoản 2, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

08. Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (Phạm vi giải quyết Bộ Nông nghiệp và PTNT)

1. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Tổng cục Lâm nghiệp
- Vụ Bảo tồn thiên nhiên, Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện.

3. Hồ sơ

- Công văn xin phép nghiên cứu thu mẫu
- Chương trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; Phương án khai thác

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin phép lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen của những loài động, thực vật rừng quý hiếm, muốn thu thập nhằm phục vụ nghiên cứu khoa học, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời bằng văn bản”.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Tổng cục Lâm nghiệp
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Các tổ chức,
- Cá nhân.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận

10. Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ban hành Quy chế quản lý rừng.
- Thông tư 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 có hiệu lực ngày 21/11/2006 hướng dẫn Quy chế quản lý rừng kèm QĐ 186/QĐ-TTg.
- Khoản 3, Điều 7 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT.

09. Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Thủ tướng Chính phủ xác lập

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Gửi qua đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị của các địa phương, đơn vị
- Báo cáo hiện trạng rừng; các tiêu chí và chỉ số cho phép xác lập loại rừng đó.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Thủ tướng cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng cho địa phương, đơn vị.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các địa phương, đơn vị.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Giấy đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Điều 8 Quy chế quản lý rừng, ban hành kèm theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều 1 Quyết định 34/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

10-14. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (Gồm: cây trọt; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định nguồn giống tại hiện trường
- Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Cách thức thực hiện: trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Hồ sơ

Đơn xin công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp

Báo cáo kỹ thuật về nguồn giống

Số lượng bộ hồ sơ: không

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản thẩm định, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn cấp chứng chỉ công nhận vườn giống cho tổ chức hoặc cá nhân đứng đơn.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu đơn theo Phụ lục 05, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Mẫu báo cáo kỹ thuật theo Phụ lục 12 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí: Khoản III, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

+ Cây trọt: 300.000đ/cây; Vườn cây đầu dòng 500.000đ/vườn; Lâm phần tuyển chọn 500.000 đồng/nguồn giống; Rừng giống chuyển hóa, rừng giống trồng 1.500.000đ/nguồn giống.

9. Kết quả thực hiện TTHC: Chứng chỉ công nhận

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 13, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Khoản 4, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

- Khoản III, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giống cây trồng

15. Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ

- Hoàn chỉnh hồ sơ

- Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Thành phần hồ sơ

Thông báo kết quả sản xuất kinh doanh cây con

- Nguồn gốc và mã số lô giống, phẩm chất kỹ thuật của lô cây con
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo sản xuất cây con ở vườn ươm, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định và cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu thông báo theo Phụ lục 14, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí: Khoản VI, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Lệ phí 100.000đồng/ lô cây con.

9. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận nguồn gốc lô cây con

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 38, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.
- Khoản 9, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.
- Khoản VI, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giống cây trồng

16. Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Thành phần hồ sơ

- Thông báo thu hoạch giống
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo thu hoạch giống, Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải hoàn thành công tác thẩm định và cấp giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và PTNT
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu thông báo theo Phụ lục 15, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí: Khoản VI, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Lệ phí 100.000 đồng.

9. Kết quả thực hiện TTHC: Giấy chứng nhận nguồn gốc lô giống

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 35, Quyết định số 89/2005/QĐ-BNN ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

- Khoản 10, Điều 6, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

- Khoản VI, Điều 1 Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giống cây trồng

17. Chặt nuôi dưỡng đối với khu rừng đặc dụng do tỉnh quản lý

1. Trình tự thực hiện

- Ban quản lý rừng đặc dụng (do tỉnh quản lý) nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Thành phần hồ sơ

- Tờ trình thẩm định hồ sơ
- Thiết kế kỹ thuật chặt nuôi dưỡng
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải có kết quả giải quyết.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các ban quản lý rừng đặc dụng do tỉnh quản lý.

7. Mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu tờ trình theo Phụ lục 19, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

- Mẫu thiết kế chặt nuôi dưỡng theo Phụ lục 20 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí: không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm a, Khoản 9.4, Mục II, Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn một số điều về Quy chế quản lý rừng.

- Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

18. Cải tạo rừng (đối với chủ rừng: không phải hộ gia đình, cá nhân, không phải vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ NN&PTNT quản lý)

1. Trình tự thực hiện

- Các chủ rừng không phải hộ gia đình, cá nhân, không phải vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ NN&PTNT quản lý nộp hồ sơ tại Sở NN&PTNT

- Tổng cục Lâm nghiệp kiểm tra hồ sơ

- Hoàn chỉnh hồ sơ

- Nhận kết quả tại Tổng cục Lâm nghiệp

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị cho phép cải tạo rừng

- Dự án cải tạo rừng

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở nông nghiệp và PTNT phải có báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ UBND cấp tỉnh ra quyết định cho phép cải tạo rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và PTNT

- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các tổ chức khác không phải vườn quốc gia, đơn vị sự nghiệp do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

7. Mẫu đơn, tờ khai:

- Mẫu đơn đề nghị cải tạo rừng theo Phụ lục 16, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

- Mẫu Dự án cải tạo rừng theo Phụ lục 17 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng

8. Lệ phí: không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Khoản 2.4, Mục II, Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn một số điều về Quy chế quản lý rừng.

- Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

19. Chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức, cá nhân xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ
 - Giấy đề nghị của tổ chức, cá nhân,
 - Báo cáo hiện trạng rừng; các tiêu chí và chỉ số cho phép xác lập loại rừng đó.
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng cho địa phương, đơn vị.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Giấy đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 8 Quy chế quản lý rừng, ban hành kèm theo Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ..

- Điều 1 Quyết định 34/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định 186/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý rừng.

20. Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức.

1. Trình tự thực hiện

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi trực tiếp;
- Gửi qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị của các Tổ chức
- Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng đất, rừng khu vực đề nghị chuyển đổi, kèm theo các tài liệu điều tra, khảo sát của đơn vị tư vấn;

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho tổ chức biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tổ chức được chuyển rừng sang trồng cao su.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng, chủ đầu tư là tổ chức.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định cho phép chuyển rừng sang trồng cao su.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Điều 6 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;
- Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị Quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.

21. Khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là tổ chức.

1. Trình tự thực hiện

Mô tả chi tiết các bước tiến hành:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ trực tiếp về Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện về Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác
 - Bản thuyết minh thiết kế khai thác
 - Phiếu bài cây khai thác
 - Biên bản xác nhận của Hạt Kiểm lâm sở tại.

- b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng;

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Các tổ chức là chủ rừng (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã...có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp) không đủ năng lực khai thác chính. theo phương án điều chế rừng

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác

Thời hạn có hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ban hành

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Phải có phương án khai thác rừng được phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 15 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

22. Phê duyệt Phương án khai thác của chủ rừng là tổ chức

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ trực tiếp;
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ:

a) Tên thành phần hồ sơ

- Giấy đề nghị của chủ rừng là tổ chức
- Phương án khai thác
- Hệ thống bản đồ

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp) không đủ điều kiện khai thác chính gỗ rừng tự nhiên..

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt phương án.

Thời hạn có hiệu lực: không

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 6 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

23. Phê duyệt Phương án Điều chế rừng hoặc Phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ trực tiếp;
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án của chủ rừng là tổ chức
- Phương án điều chế rừng hoặc phương án quản lý rừng bền vững.

- Hệ thống bản đồ

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Nội dung phương án theo hướng dẫn tại văn bản số 2577/BNN-TCLN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt phương án.

Thời hạn có hiệu lực: không

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 5 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

24. Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức

1. Trình tự thực hiện:

a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận

c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp;

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ của Tổ chức

- Bản thuyết minh thiết kế khai thác

- Phiếu bài cây khai thác

- Biên bản thẩm định thiết kế khai thác

- Bản đồ khu khai thác

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ thiết kế, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở NN&PTNT (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức có khai thác chính gỗ rừng tự nhiên.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác.

Thời hạn có hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ban hành

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Phải có phương án quản lý rừng bền vững hoặc phương án điều chế rừng.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 7 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

25. Khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức (đối với các loại lâm sản có trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)

1. Trình tự thực hiện

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp;
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện;

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác
 - Bản thuyết minh thiết kế khai thác
 - Sơ đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã...có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp)

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác

Thời hạn của giấy phép khai thác tối đa là 12 tháng kể từ ngày ban hành.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 14 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

26. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp,
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện,

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ của chủ rừng là tổ chức
 - Bản thuyết minh hồ sơ thiết kế khai thác
 - Bản đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác

Thời hạn có hiệu lực: 12 tháng kể từ khi ban hành.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 8 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

27. Khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của các tổ chức.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác tận dụng của tổ chức
 - Bản thuyết minh hồ sơ thiết kế khai thác
 - Bản đồ khu khai thác
 - Văn bản cho phép chuyển rừng của cấp có thẩm quyền hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.
 - Văn bản giao nhiệm vụ khai thác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
 - Biên bản xác nhận của kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng hoặc đơn vị khai thác biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng hoặc đơn vị khai thác.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức, đơn vị có chức năng được Ủy ban nhân dân giao nhiệm vụ khai thác.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác

Thời hạn khai thác được ghi trong giấy phép khai thác.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 11 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

28. Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề đối với chủ rừng là tổ chức thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách)

1. Trình tự thực hiện

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp,
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện.

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Bản đăng ký khai thác
 - Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
 - Bản đồ khu khai thác
 - Hồ sơ thiết kế, dự án lâm sinh đối với khai thác tận dụng thực hiện các biện pháp lâm sinh;
 - Đề cương nghiên cứu khoa học, kế hoạch đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khai thác tận dụng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề.
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có ý kiến thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp)

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

9. Kết quả thực hiện TTHC:

- Văn bản trả lời;
- Nếu sau thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 12 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

29. Khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng tự nhiên hoặc rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)

1. Trình tự thực hiện

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và PTNT;
- b) Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ của Tổ chức
 - Bản thuyết minh hồ sơ thiết kế khai thác
 - Sơ đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác tận dụng, tận thu và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp)

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác.

Thời hạn: Không

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 13 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

30. Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức

1. Trình tự thực hiện

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ

- Bản đăng ký khai thác
- Thuyết minh thiết kế khai thác
- Quyết định phê duyệt Thiết kế khai thác của chủ rừng là tổ chức.
- Sơ đồ vị trí khu khai thác

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo quyết định đã phê duyệt.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản trả lời;
- Nếu sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo quyết định đã phê duyệt.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 10 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

31. Đăng ký trại nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài động vật hoang dã thông thường;

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Nộp hồ sơ:

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Văn phòng Chi Cục Kiểm lâm
- Khi đến nộp hồ sơ, cá nhân xin cấp Giấy phép phải xuất trình chứng minh thư nhân dân (đối với công dân Việt Nam) hoặc hộ chiếu, giấy phép cư trú tại Hà Nội (đối với người nước ngoài, hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài), hoặc giấy giới thiệu của cơ quan tổ chức.
- Công chức tiếp nhận kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ, vào sổ theo dõi ngày tiếp nhận hồ sơ:
- + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì chuyển cho Bộ phận cấp phép tiến hành các thủ tục cấp phép.
- + Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người đến nộp hồ sơ làm lại cho kịp thời.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: trong giờ hành chính

Bước 2- Nhận giấy chứng nhận:

Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nơi đã nộp hồ sơ) như sau: Công chức trả giấy chứng nhận vào sổ theo dõi; Trả bản gốc Giấy chứng nhận sau khi đã photo 02 bản lưu; Trường hợp nhận hộ, người nhận hộ phải có thêm giấy uỷ quyền và chứng minh thư của người uỷ quyền.

Thời gian trao trả giấy phép: các giờ hành chính theo quy định hiện hành.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua bưu điện

3. Hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Đơn (giấy đề nghị) theo mẫu tại thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011

b) Số lượng: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 7 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

5. Cơ quan thực hiện TTHC

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm

d) Cơ quan phối hợp: không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Các Tổ chức, cá nhân

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu giấy đề nghị đăng ký trại nuôi sinh sản/sinh trưởng

9. Kết quả thực hiện TTHC: Chứng nhận đăng ký trại nuôi

10. Điều kiện thực hiện TTHC:

a) Chuồng, trại nuôi phù hợp với đặc tính của loài nuôi và năng lực sản xuất của trại.

b) Bảo đảm an toàn cho người nuôi và người dân trong vùng, an toàn dịch bệnh và vệ sinh môi trường theo quy định.

c) Có nguồn gốc vật nuôi rõ ràng.

d) Trường hợp động vật có nguồn gốc nhập khẩu (không phân bố tại Việt Nam) phải có xác nhận bằng văn bản của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam là việc nuôi loài đó không ảnh hưởng tới các loài động vật khác và hệ sinh thái trong nước

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 1, Thông tư số 25/2011/TT-BBBPTNT ngày 06/4/2011.

32. Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu;

1. Trình tự thực hiện

Bước 1 Nộp hồ sơ: Chủ nuôi gấu lập hồ sơ đăng ký trại nuôi gửi Chi cục Kiểm lâm

- Bước 2: Thẩm định

a) Thành lập Hội đồng thẩm định: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký trại nuôi gấu có trách nhiệm thành lập Hội đồng thẩm định gồm: Chi cục Kiểm lâm làm chủ tịch Hội đồng với các thành viên là đại diện của Chi Cục Thú y, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Cảnh sát môi trường và chính quyền cấp xã (phường) nơi có trại nuôi gấu đề nghị cấp giấy chứng nhận để thẩm định hồ sơ;

b) Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Kiểm tra thực tế cơ sở vật chất của trại nuôi gấu đề nghị cấp giấy chứng nhận; lập biên bản thẩm định để làm căn cứ cho cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu nếu đảm bảo các điều kiện quy định.

c) Thời gian thẩm định: Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thành lập Hội đồng thẩm định. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi thành lập, Hội đồng thẩm định phải hoàn thành biên bản thẩm định

- Bước 3: Trả kết quả

Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được biên bản thẩm định, Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký trại nuôi gấu phải xem xét cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu (Phụ lục V Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN) cho trại có đủ điều kiện hoặc có văn bản trả lời cho chủ nuôi gấu về những điều kiện hay thủ tục chưa đạt yêu cầu.

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị đăng ký trại nuôi gấu (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV) có xác nhận của chính quyền cấp xã theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Quy chế quản lý gấu ban hành kèm theo Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN.

- Hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp của gấu hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chip điện tử

- Bản vẽ mô tả chi tiết chuồng, trại nuôi gấu kèm theo ảnh.

- Bản sao công chứng hợp đồng lao động với người có chuyên môn thú y hoặc hợp đồng với bác sĩ thú y hay cơ sở thú y để chăm sóc thú y

- Xác nhận của cơ quan quản lý môi trường cấp tỉnh là trại nuôi đảm bảo yêu cầu về vệ sinh, môi trường

b) Số lượng: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

Thành lập hội đồng thẩm định: 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ

- Thẩm định: 5 ngày làm việc kể từ khi thành lập Hội đồng thẩm định

- Trả kết quả: 5 ngày làm việc, kể từ khi nhận được biên bản thẩm định

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm tỉnh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm tỉnh

d) Cơ quan phối hợp: Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân nuôi nhốt gấu

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị đăng ký trại nuôi gấu (theo mẫu quy định tại Phụ lục IV) có xác nhận của chính quyền cấp xã theo quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Quy chế quản lý gấu ban hành kèm theo Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng nhận đăng ký trại nuôi

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC:

Điều 1, Thông tư số 25/2011/TT-BBBPTNT ngày 06/4/2011

Khoản 2 điều 9 Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008.

33. Cấp giấy phép vận chuyển gấu

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ nuôi gấu lập hồ sơ đề nghị vận chuyển gấu gửi Chi cục Kiểm lâm

- Bước 2: Thẩm định, kiểm tra

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ vận chuyển gấu thẩm định, kiểm tra chip điện tử (đối với các cá thể gấu đã gắn chip điện tử), lập biên bản xác nhận số gấu vận chuyển đi và cấp giấy phép vận chuyển gấu theo quy định

- Bước 3: Trả kết quả

2. Cách thức thực hiện : Trực tiếp hoặc qua bưu điện

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị di chuyển gấu,

- Hồ sơ về nguồn gốc hợp pháp của gấu hoặc hồ sơ về gấu đã đăng ký quản lý và gắn chip điện tử,

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi của nơi đến. Trường hợp vận chuyển gấu ra địa bàn ngoài tỉnh thì còn phải có văn bản đồng ý của Chi cục Kiểm lâm nơi chuyển gấu tới.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển gấu phải hoàn thành biên bản xác nhận số gấu vận chuyển và ra văn bản cho phép vận chuyển gấu trong phạm vi nội tỉnh hoặc cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt ra địa bàn ngoài tỉnh; trường hợp không giải quyết cho phép vận chuyển phải có văn bản trả lời người đề nghị về lý do không giải quyết.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm tỉnh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm tỉnh

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Các tổ chức

- Cá nhân

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai

Đơn đề nghị di chuyển gấu tại Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép vận chuyển

10. Điều kiện thực hiện TTHC

a) Chỉ được phép vận chuyển các cá thể gấu được quy định tại Khoản 1, Điều 7 của Quy chế Quản lý gấu nuôi;

b) Đối với các cá thể gấu đã được lập hồ sơ và gắn chip điện tử thì trước khi vận chuyển phải được Hạt Kiểm lâm (Chi cục Kiểm lâm đối với nơi không có Hạt Kiểm lâm) kiểm tra chip điện tử để xác định mã số chip tại nơi đi;

c) Nơi tiếp nhận gấu là các trại nuôi đã được cấp giấy chứng nhận trại nuôi hoặc các cơ sở cứu hộ theo quy định hiện hành của Nhà nước;

d) Đảm bảo các điều kiện về an toàn và sức khỏe của gấu trong quá trình vận chuyển.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 1, Thông tư số 25/2011/TT-BBBPTNT ngày 06/4/2011;

Khoản 2, 3 điều 10 Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008.

34. Giao nộp gấu cho nhà nước

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Chủ nuôi gấu nộp đơn đề nghị tự nguyện chuyển giao gấu tại:

a) Chi cục Kiểm lâm quyết định việc chuyển giao cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh;

b) Cục Kiểm lâm quyết định việc chuyển giao gấu do chủ nuôi gấu tự nguyện giao trên phạm vi cả nước;

Các cá thể gấu do chủ trại nuôi gấu tự nguyện giao cho Nhà nước được chuyển giao như sau:

a) Các cơ sở cứu hộ gấu, Trung tâm cứu hộ động vật hoang dã;

b) Các vườn thú, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong nước để phục vụ mục đích nghiên cứu, trưng bày và giáo dục môi trường;

c) Các Trại nuôi có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này tự nguyện nuôi gấu nhằm mục đích cứu hộ, bảo tồn gấu;

d) Các tổ chức khác theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Bước 2- Nhận kết quả:

Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nơi đã nộp hồ sơ) như sau: Công chức trả kết quả vào sổ theo dõi; Trả bản gốc sau khi đã photo 02 bản lưu; Trường hợp nhận hộ, người nhận hộ phải có thêm giấy uỷ quyền và chứng minh thư của người uỷ quyền.

Thời gian trao trả giấy phép: các giờ hành chính theo quy định hiện hành

2. Cách thức thực hiện

- Trực tiếp,
- Gửi qua Bưu điện.

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục VII – Quy chế quản lý gấu ban hành kèm theo Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN) gửi Chi cục Kiểm lâm (hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với những tỉnh không có Chi cục Kiểm lâm) kèm hồ sơ về nguồn gốc của gấu

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

10 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận đơn đề nghị tự nguyện giao Gấu, cơ quan có thẩm quyền phải có văn bản chấp thuận, cho phép tổ chức, cá nhân tiếp nhận Gấu.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Kiểm lâm
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Các tổ chức,
- Cá nhân.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai

Đơn đề nghị (theo mẫu tại Phụ lục VII – Quy chế quản lý gấu ban hành kèm theo Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN)

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Văn bản chấp thuận cho phép tổ chức cá nhân tiếp nhận gấu

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

Điều 1, Thông tư số 25/2011/TT-BBBPTNT ngày 06/4/2011

Khoản 2, 3 điều 10 Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN ngày 29/9/2008

35. Cho thuê rừng đối với tổ chức

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: chuẩn bị

- Trước khi giao rừng uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 24, Nghị định 23/2006/NĐ-CP phải xây dựng phương án giao rừng, cho thuê rừng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và báo cáo uỷ ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt.

- Rà soát đất lâm nghiệp tại các nông, lâm trường, có phương án giao đất lại cho địa phương để giao bớt cho dân phần còn lại mới tiến hành lập thủ tục cấp đất.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi toàn bộ diện tích rừng và đất đã quy hoạch cho lâm nghiệp, và thông báo công khai diện tích rừng, đất lâm nghiệp chưa giao, chưa cho thuê tại văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Bước 2: nộp hồ sơ

Tổ chức có nhu cầu sử dụng rừng nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Bước 3: thẩm định và hoàn chỉnh hồ sơ

Sau khi nhận hồ sơ đề nghị thuê rừng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương việc tổ chức có nhu cầu được thuê rừng đã nộp hồ sơ về tình để được thuê rừng, địa điểm khu rừng đề nghị được thuê và tiếp nhận những thông tin phản hồi của xã hội;
- Chỉ định đơn vị tư vấn lập hồ sơ xác định ranh giới, diện tích, trạng thái, giá trị khu rừng;
- Chủ trì thẩm định hồ sơ thuê rừng do đơn vị tư vấn lập và các điều kiện về thuê rừng; tính khả thi của Dự án đầu tư khu rừng của tổ chức;
- Lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kế hoạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng rừng (bằng tiền thuê rừng, nếu có từ 2 tổ chức trở lên cùng đề nghị được thuê rừng trên 1 khu rừng);
- Lập hồ sơ thuê rừng cho tổ chức trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Gửi hồ sơ có liên quan đến khu rừng tới cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có);
- Tổ chức đấu giá.

Thời gian thực hiện bước 3 bao gồm cả thời gian thông báo, niêm yết và thẩm định hồ sơ là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của tổ chức.

d) Bước 4: Xem xét, quyết định cho thuê rừng

Sau khi nhận được hồ sơ thuê rừng cho tổ chức ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- + Xem xét, ký quyết định thuê rừng cho tổ chức (*phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).
- + Chuyển quyết định thuê rừng cho tổ chức và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Thời gian thực hiện bước 4 này là 5 ngày làm việc.

đ) Bước 5: Thực hiện quyết định giao rừng, cho thuê rừng.

- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn sau khi nhận được quyết định từ ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có trách nhiệm:

- + Thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có).
- + Chủ trì và phối hợp với ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc bàn giao rừng cho tổ chức có sự tham gia của ủy ban nhân dân cấp xã, phòng chức năng, các chủ rừng liên kề; lập biên bản bàn giao rừng với tổ chức, cá nhân (*phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).
- Sau khi nhận rừng tại thực địa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức có trách nhiệm đóng cột mốc khu rừng được giao có sự chứng kiến của đại diện ủy ban nhân dân cấp xã và chủ rừng có chung ranh giới (*phụ lục 6 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, khi hồ sơ đến cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm xem xét và bổ sung vào hồ sơ giao rừng những nội dung công việc của mỗi bước cho tới khi hoàn thành việc giao rừng; nếu tổ chức không đủ điều kiện được giao rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho cơ quan gửi đến và thông báo rõ lý do về việc tổ chức đó không được giao rừng. Thời gian thực hiện bước 5 là 3 ngày làm việc (kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ tài chính của tổ chức).

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị thuê rừng

- Quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh (*Bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện*)

- Dự án đầu tư khu rừng
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 38 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
 - b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
 - c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở nông nghiệp & PTNT
 - d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện
6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị thuê rừng

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 3 Mục 3 TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007
- Khoản 5 điểm 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT

36. Giao rừng đối với tổ chức

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: chuẩn bị

- Trước khi giao rừng ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 24, Nghị định 23/2006/NĐ-CP phải xây dựng phương án giao rừng, cho thuê rừng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và báo cáo ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt.
- Rà soát đất lâm nghiệp tại các nông, lâm trường, có phương án giao đất lại cho địa phương để giao bót cho dân phần còn lại mới tiến hành lập thủ tục cấp đất.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi toàn bộ diện tích rừng và đất đã quy hoạch cho lâm nghiệp, và thông báo công khai diện tích rừng, đất lâm nghiệp chưa giao, chưa cho thuê tại văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Bước 2: nộp hồ sơ

Tổ chức có nhu cầu sử dụng rừng nộp 01 bộ hồ sơ tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

c) Bước 3: thẩm định và hoàn chỉnh hồ sơ

Sau khi nhận hồ sơ *đề nghị* giao rừng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

- Chỉ định đơn vị tư vấn lập hồ sơ xác định ranh giới, diện tích, trạng thái, giá trị khu rừng.
- Công bố công khai trên một số phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương việc Tổ chức có nhu cầu được giao rừng đã nộp hồ sơ về tình để được giao rừng, địa điểm khu rừng đề nghị được giao và tiếp nhận những thông tin phản hồi của xã hội.
- Chủ trì thẩm định hồ sơ giao rừng do đơn vị tư vấn lập và các điều kiện về giao rừng; tính khả thi của Dự án đầu tư khu rừng của tổ chức.
- Lập, trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền sử dụng rừng trong trường hợp tổ chức, được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng theo phương thức đấu giá.
- Gửi hồ sơ có liên quan đến khu rừng tới cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có).
- Lập hồ sơ giao rừng cho tổ chức trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Thời gian thực hiện bước 3 bao gồm cả thời gian thông báo, niêm yết và thẩm định hồ sơ là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ của Tổ chức.

d) Bước 4: Xem xét, quyết định giao rừng

Sau khi nhận được hồ sơ giao rừng cho tổ chức uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

- + Xem xét, ký quyết định giao rừng cho tổ chức (*phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).
- + Chỉ đạo và tổ chức việc đấu thầu tiền sử dụng rừng trong trường hợp phải đấu thầu.
- + Chuyển quyết định giao rừng cho tổ chức và Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Thời gian thực hiện bước 4 này là 2 ngày làm việc.

đ) Bước 5: thực hiện quyết định giao rừng, cho thuê rừng.

- Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn sau khi nhận được quyết định từ uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, có trách nhiệm:

- + Thông báo cho tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có).
- + Chủ trì và phối hợp với uỷ ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc bàn giao rừng cho tổ chức có sự tham gia của uỷ ban nhân dân cấp xã, phòng chức năng, các chủ rừng liên kề; lập biên bản bàn giao rừng với tổ chức, cá nhân (*phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

- Sau khi nhận rừng tại thực địa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tổ chức có trách nhiệm đóng cột mốc khu rừng được giao có sự chứng kiến của đại diện uỷ ban nhân dân cấp xã và chủ rừng có chung ranh giới (*phụ lục 6 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, khi hồ sơ đến cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm xem xét và bổ sung vào hồ sơ giao rừng những nội dung công việc của mỗi bước cho tới khi hoàn thành việc giao rừng; nếu tổ chức không đủ điều kiện được giao rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho cơ quan gửi đến và thông báo rõ lý do về việc tổ chức đó không được giao rừng. Thời gian thực hiện bước 5 là 3 ngày làm việc (kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ tài chính của tổ chức).

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị giao rừng
- Quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh (Bản sao chụp mang theo bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp; hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện)
- Dự án đầu tư khu rừng
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 35 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Uỷ ban nhân dân tỉnh
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở nông nghiệp&PTNT
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND huyện

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị giao rừng

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 6 Mục 2 TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007
- Khoản 3 điểm 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT

37. Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được

thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài)

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: gửi văn bản về việc trả lại rừng

Khi chuyển đi nơi khác hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng, chủ rừng có trách nhiệm gửi văn bản trả lại rừng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước như sau:

- Chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi văn bản đến ủy ban nhân dân cấp tỉnh (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*).

Bước 2: xử lý văn bản

Sau khi nhận được văn bản trả lại rừng của chủ rừng, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, có trách nhiệm xem xét và giao trách nhiệm cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm tra, chỉ đạo xác minh đặc điểm khu rừng khi cần thiết; trình ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thu hồi rừng.

Thời gian thực hiện bước này là 15 ngày.

Bước 3: quyết định thu hồi rừng

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài đến Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng trong thời gian 10 ngày làm việc (nếu có).

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ:

- Văn bản trả lại rừng của chủ rừng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - UBND cấp tỉnh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: - Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp huyện

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cá nhân, tổ chức

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 3 mục IV TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007

- Khoản 6 điểm 3 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011

38. Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay giải thể, phá sản

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: khi nhận được quyết định giải thể, phá sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chủ rừng có trách nhiệm gửi quyết định giải thể, phá sản đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi có rừng.

Bước 2: sau khi nhận được quyết định giải thể hoặc phá sản Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm tra, xác minh khu rừng trong thời gian 10 ngày làm việc, lập hồ sơ trình ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định thu hồi rừng.

Bước 3: ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm

- Trong thời 03 ngày làm việc, xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đến Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ủy ban nhân dân cấp huyện. .

- Chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng trong thời gian 07 ngày làm việc (nếu có).

c) Sau khi thu hồi rừng ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo ủy ban nhân dân cấp xã quản lý khu rừng thu hồi và đưa vào quỹ rừng để giao, cho thuê.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ:

- Quyết định giải thể, phá sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): - Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Ủy ban nhân dân cấp xã

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cá nhân, tổ chức

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 3 mục IV TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007

- Khoản 7 điểm 3 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

39. Cài tạo rừng đối với hộ gia đình, cá nhân

1. Trình tự thực hiện

- Hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ tại UBND huyện

- UBND huyện kiểm tra hồ sơ

- Hoàn chỉnh hồ sơ

- Nhận kết quả tại UBND huyện

2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi Bưu điện

3. Thành phần hồ sơ

Đơn đề nghị cho phép cài tạo rừng

Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Ngay trong ngày nhận, nếu chưa hợp lệ UBND huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định. Nếu đơn hợp lệ UBND huyện phải cấp giấy biên nhận đã nộp đơn.

- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ của hộ gia đình, cá nhân hoặc 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Sở NN&PTNT, Ủy ban nhân dân huyện phải ra quyết định phê duyệt.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân huyện
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện TTHC: Hộ gia đình, cá nhân

7. Mẫu đơn, tờ khai:

Mẫu đơn đề nghị cải tạo rừng theo Phụ lục 18, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

8. Lệ phí: không

9. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Khoản 2.4, Mục II, Thông tư số 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 của Bộ NN&PTNT về việc hướng dẫn một số điều về Quy chế quản lý rừng.
- Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ phát triển rừng.

40. Trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện:

- Gửi hồ sơ trực tiếp ;
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện .

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ

- Đơn đề nghị của các hộ gia đình, cá nhân nêu rõ diện tích cần chuyển rừng sang trồng cao su, sản lượng lâm sản có thể tận thu;
- Ý kiến xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được chuyển rừng sang trồng cao su.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện

- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển rừng sang trồng cao su.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 6 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;

- Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị Quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

41. Khai thác chính gỗ rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác
 - Bản thuyết minh thiết kế khai thác
 - Phiếu bài cây khai thác
 - Biên bản xác nhận của kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã
 - Bản đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (gồm: các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp) có khai thác chính gỗ rừng tự nhiên.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế và cấp phép khai thác.

Thời hạn có hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ban hành

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Phải có phương án khai thác.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 16 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

42. Phê duyệt phương án khai thác của chủ rừng là hộ gia đình.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp .
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện .

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Giấy đề nghị của Hộ gia đình
 - Phương án khai thác
 - Hệ thống bản đồ
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản phê duyệt phương án.

Thời hạn có hiệu lực: không

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 6 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

43. Khai thác gỗ rừng tự nhiên phục vụ nhu cầu hàng năm của chủ rừng là hộ gia đình.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp .
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác
 - Bản thuyết minh thiết kế khai thác
 - Phiếu bài cây khai thác
 - Biên bản xác nhận của Kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã.
 - Bản đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng;

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác

Thời hạn có hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ban hành

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Phải có phương án khai thác rừng được phê duyệt.

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 17 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

44. Khai thác, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là hộ gia đình (đối với các loại lâm sản có trong danh mục quản lý Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách)

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác
 - Bản thuyết minh thiết kế khai thác
 - Sơ đồ khu khai thác

- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng không đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác
Thời hạn của giấy phép khai thác tối đa là 12 tháng kể từ ngày ban hành.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 25 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

45. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của chủ rừng là hộ gia đình

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác của Hộ gia đình
- Bản thuyết minh thiết kế khai thác
- Sơ đồ vị trí khu khai thác

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng;

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng không đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác.

Thời hạn có hiệu lực: Tối đa 12 tháng kể từ ngày ban hành

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 18 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

46. Khai thác tận dụng trên diện tích giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hoặc sử dụng vào mục đích khác không phải lâm nghiệp của chủ rừng là hộ gia đình.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ

- Bản đăng ký khai thác.
- Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
- Sơ đồ khu khai thác
- Văn bản của cấp thẩm quyền cho phép chuyển rừng hoặc quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng
- Biên bản xác nhận của kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản trả lời.
- Nếu sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không có văn bản thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 22 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

47. Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên)

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Bản đăng ký khai thác
 - Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
 - Biên bản xác nhận của kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã
 - Bản thiết kế hoặc dự án lâm sinh do chủ rừng tự phê duyệt.
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 23 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

48. Khai thác tận dụng gỗ cây đứng đã chết khô, chết cháy, đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc rễ cành nhánh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ
 - Bản đăng ký khai thác
 - Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
 - Sơ đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo cho chủ rừng để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp huyện không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp huyện

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 24 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

49. Cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt

1. Trình tự thực hiện

a) Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

b) Nộp hồ sơ tại Hạt Kiểm lâm nơi có lâm sản

c) Thẩm định hồ sơ: Hạt trưởng hạt Kiểm lâm nơi có lâm sản, xem xét, cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt cho chủ lâm sản. Trường hợp địa phương (nơi có lâm sản) không có hạt Kiểm lâm thì việc cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt do Chi cục Kiểm lâm thực hiện.

d) Nhận giấy phép vận chuyển đặc biệt tại Hạt Kiểm lâm hoặc trả lời cho chủ lâm sản biết lý do không cấp giấy phép

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Giấy đề nghị cấp giấy phép vận chuyển đặc biệt

- Tài liệu chứng minh nguồn gốc lâm sản nguy cấp, quý, hiếm đề nghị cấp giấy phép vận chuyển (*Bản sao mang theo bản chính để đối chiếu trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, bản sao có công chứng hoặc chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện*)

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: Tối đa 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Kiểm lâm

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Hạt Kiểm lâm địa phương.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Giấy đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển đặc biệt

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 5 Quy định về kiểm tra, kiểm soát lâm sản ban hành tại Quyết định số 59/2005/QĐ-BNN ngày 10/10/2005 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT ngày có hiệu lực 6/11/2005

- Điều 4 TT số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011

50. Đóng dấu búa kiểm lâm

1. Trình tự thực hiện

Bước 1. Chủ rừng hoặc chủ gỗ nộp hồ sơ xin đóng búa kiểm lâm. Nộp hồ sơ tại bộ phận Pháp chế Hạt Kiểm lâm.

Bước 2. Kiểm tra hồ sơ, xác minh đối tượng, nguồn gốc gỗ theo quy định trước khi đóng búa kiểm lâm.

- Trường hợp khối lượng gỗ đo tính thực tế sai số vượt quá 15% so với khối lượng gỗ trong lý lịch khai báo với cơ quan Hải quan, thì yêu cầu chủ gỗ lập lại lý lịch gỗ trước khi đóng búa kiểm lâm. Nếu khối lượng gỗ vượt khối lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép thì yêu cầu chủ gỗ báo cáo cơ quan đã cho phép nhập khẩu gỗ giải quyết, khi được phép mới đóng búa kiểm lâm.

Bước 3. Sau khi kiểm tra hồ sơ, xác minh xong đối tượng, nguồn gốc gỗ nếu hồ sơ chưa đủ thì hướng dẫn chủ rừng hoặc chủ gỗ bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ công chức kiểm lâm được giao nhiệm vụ tiến hành đóng búa kiểm lâm.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức quản lý người nộp hồ sơ đề nghị đóng búa kiểm lâm
- Lý lịch gỗ do chủ rừng hoặc chủ gỗ lập
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp
- Số lượng bộ hồ sơ: 02 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động.
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Hạt Kiểm lâm, Đội Kiểm lâm cơ động,
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 7,8,9 Quy chế quản lý và đóng búa bài cây, búa kiểm lâm ban hành tại Quyết định số 44/2006/QĐ-BNN ngày 01/06/2006 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT

- Điều 2 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011

51. Thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: bước chuẩn bị:

- Trước khi giao rừng uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 24, Nghị định 23/2006/NĐ-CP phải xây dựng phương án giao rừng, cho thuê rừng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và báo cáo uỷ ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt.

b) Bước 2: tiếp nhận đơn và xét duyệt đơn

- Hộ gia đình, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đến Uỷ ban nhân dân cấp xã,
- Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn cho thôn họp toàn thể đại diện các hộ gia đình của thôn để xem xét và đề nghị ủy ban nhân dân cấp xã phương án và điều chỉnh phương án giao rừng cho từng hộ gia đình trong phạm vi thôn.

+ Chỉ đạo Hội đồng giao rừng của xã thẩm tra về điều kiện giao rừng hộ gia đình, cá nhân có đơn đề nghị được giao rừng báo cáo ủy ban nhân dân xã. Kiểm tra thực địa khu rừng dự kiến giao cho hộ gia đình, cá nhân để đảm bảo các điều kiện, căn cứ giao rừng theo quy định của pháp luật; khu rừng giao không có tranh chấp

+ Xác nhận và chuyển đơn của hộ gia đình, cá nhân đến cơ quan có chức năng tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý lĩnh vực lâm nghiệp (sau đây viết tắt là cơ quan chức năng cấp huyện).

Thời gian thực hiện bước 2 là 15 ngày làm việc.

c) Bước 3: thẩm định và hoàn thiện hồ sơ

Cơ quan chức năng cấp huyện sau khi nhận được đơn của hộ gia đình, cá nhân từ ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến có trách nhiệm:

- Kiểm tra việc xác định tại thực địa và thẩm định hồ sơ khu rừng sẽ giao cho hộ gia đình, cá nhân.

- Tổ chức việc kiểm tra xác định tại thực địa phải lập thành văn bản có chữ ký của đại diện tổ chức tư vấn về đánh giá rừng (tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá chất lượng rừng; đại diện ủy ban nhân dân xã và đại diện hộ gia đình, cá nhân xin giao đất. Nội dung thẩm định hồ sơ nhằm bảo đảm các quy định hiện hành của Nhà nước về giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân.

- Chủ trì thẩm định tính khả thi của kế hoạch sử dụng rừng của hộ gia đình, cá nhân đề nghị thuê rừng.

- Lập, trình ủy ban nhân dân cấp huyện kế hoạch tổ chức đấu giá quyền sử dụng rừng (bằng tiền thuê rừng, nếu có nhiều người cùng đề nghị thuê rừng trên cùng một địa điểm).

- Gửi 01 bộ hồ sơ liên quan đến khu rừng tới cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính (nếu có).

- Lập tờ trình kèm theo hồ sơ, trình ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân.

Thời gian thực hiện bước 3 là 15 ngày làm việc.

d) Bước 4: quyết định cho thuê rừng

Sau khi nhận được hồ sơ của cơ quan có chức năng cấp huyện có trách nhiệm:

+ Xem xét và ký quyết định cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân (*phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

+ Ký hợp đồng với hộ gia đình, cá nhân về việc thuê rừng (*phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

+ Chuyển quyết định cho thuê rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cho ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan có chức năng.

+ Thông báo cho hộ gia đình, cá nhân được thuê rừng thực hiện nghĩa vụ tài chính trong thời gian 10 ngày làm việc.

Thời gian thực hiện bước 4 là 13 ngày làm việc.

đ) Bước 5: thực hiện quyết định giao rừng, cho thuê rừng

- Khi nhận được quyết định giao rừng của ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm: tổ chức việc bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân có sự tham gia của các chủ rừng liên kề; việc bàn giao rừng phải lập thành biên bản bàn giao rừng có sự tham gia và ký tên của đại diện ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện hộ gia đình, cá nhân (*phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

- Sau khi nhận bàn giao rừng tại thực địa hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm xác định rõ ranh giới đóng mốc khu rừng được giao, được thuê với sự chứng kiến của đại diện ủy ban nhân dân cấp xã và các chủ rừng liên kề (*phụ lục 6 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, khi hồ sơ đến cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm xem xét và bổ sung vào hồ sơ giao rừng những nội dung công việc của mỗi bước cho tới khi hoàn thành việc giao rừng; nếu hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện được giao rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho cơ quan gửi đến và thông báo rõ lý do về việc hộ gia đình, cá nhân không được giao rừng. Thời gian thực hiện bước 4 là 3 ngày làm việc.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị thuê rừng

- Kế hoạch sử dụng rừng
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 46 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan có chức năng cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp xã

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: - Đơn đề nghị thuê rừng

- Kế hoạch sử dụng rừng

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 2 mục III TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007
- Khoản 4 điều 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT

52. Giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: chuẩn bị

- Trước khi giao rừng ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 24, Nghị định 23/2006/NĐ-CP phải xây dựng phương án giao rừng, cho thuê rừng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua và báo cáo ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp phê duyệt.

- Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách của Nhà nước về việc giao rừng và nghĩa vụ, quyền lợi của chủ rừng cho nhân dân ở địa phương mình.

- Thành lập ban chỉ đạo và Hội đồng giao rừng: ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo giao rừng và Tổ công tác giao rừng cấp huyện. ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng giao rừng của xã (Phụ lục 2 Thông tư 38/2007/TT-BNN).

- Chuẩn bị kinh phí, vật tư kỹ thuật phục vụ cho việc giao rừng.

- Cộng đồng dân cư thôn họp thôn để thống nhất các vấn đề chủ yếu sau:

+ Thông qua đơn đề nghị Nhà nước giao rừng cho cộng đồng thôn;

+ Thông qua kế hoạch quản lý khu rừng sau khi được Nhà nước giao rừng, kế hoạch quản lý rừng do cộng đồng dân cư thôn;

+ Cuộc họp dân cư thôn phải có ít nhất 70% số hộ gia đình nhất trí đề nghị được giao rừng.

b) Bước 2: Nhận hồ sơ và xét duyệt hồ sơ

- Cộng đồng dân cư thôn nộp 01 bộ hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã,

- Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi nhận được hồ sơ của cộng đồng dân cư thôn có trách nhiệm:

+ Chỉ đạo Hội đồng giao rừng của xã thẩm tra về điều kiện giao rừng cho cộng đồng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ Kiểm tra thực địa khu rừng dự kiến giao cho cộng đồng dân cư thôn để bảo đảm các điều kiện, căn cứ giao rừng theo quy định của pháp luật;

+ Xác nhận và chuyển đơn của cộng đồng dân cư thôn đến cơ quan chức năng cấp huyện.

Thời gian thực hiện bước 2 là 15 làm việc ngày kể từ sau khi nhận đơn của cộng đồng dân cư thôn.

c) Bước 3: thẩm định và hoàn thiện hồ sơ

Cơ quan chức năng cấp huyện sau khi nhận được hồ sơ từ ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến có trách nhiệm:

- Tổ chức việc xác định đặc điểm khu rừng sẽ giao cho cộng đồng dân cư thôn.
- Chủ trì việc thẩm định kết quả xác định đặc điểm khu rừng trên cơ sở có xác nhận của tổ chức tư vấn có trách nhiệm về đánh giá rừng; sự phù hợp của việc giao rừng với quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng hoặc quy hoạch sử dụng đất hoặc quy hoạch ba loại rừng; tính khả thi của kế hoạch quản lý rừng của cộng đồng dân cư thôn.
- Lập tờ trình, trình ủy ban nhân dân cấp huyện về việc giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn.
- Thời gian thực hiện bước 3 là 10 ngày làm việc.

d) Bước 4: quyết định việc giao rừng.

Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nhận được tờ trình từ cơ quan chức năng chuyển đến có trách nhiệm xem xét và quyết định giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn (*phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN*); chuyển quyết định giao rừng cho cộng đồng dân cư thôn, ủy ban nhân dân cấp xã và cho cơ quan chức năng cấp huyện. Thời gian thực hiện bước 4 là 3 ngày làm việc.

đ) Bước 5: thực hiện quyết định giao rừng.

- Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi nhận được quyết định giao rừng của ủy ban nhân dân cấp huyện, có trách nhiệm:

- + Thông báo và đôn đốc cộng đồng dân cư thôn thực hiện nghĩa vụ tài chính (nếu có).
- + Tổ chức bàn giao rừng ngoài thực địa có sự tham gia của cơ quan chức năng và các chủ rừng có chung ranh giới; lập biên bản bàn giao rừng giữa ủy ban nhân dân cấp xã với cộng đồng dân cư thôn (*phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).
- Cộng đồng dân cư thôn ngay sau khi nhận rừng tại thực địa có trách nhiệm đóng cột mốc khu rừng được giao có sự chứng kiến của đại diện ủy ban nhân dân cấp xã và chủ rừng có chung ranh giới (*phụ lục 6 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, khi hồ sơ đến cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm xem xét và bổ sung vào hồ sơ giao rừng những nội dung công việc của mỗi bước cho tới khi hoàn thành việc giao rừng; nếu cộng đồng dân cư thôn không đủ điều kiện được giao rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho cơ quan gửi đến và thông báo rõ lý do về việc cộng đồng dân cư thôn không được giao rừng.

Thời gian thực hiện bước 5 là 3 ngày làm việc.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị giao rừng do đại diện thôn ký
- Kế hoạch quản lý rừng do cộng đồng dân cư thôn cùng biên bản thông qua của cộng đồng thôn
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 31 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chức năng cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp xã

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cộng đồng dân cư thôn

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị giao rừng

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 5 mục II TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007

- Khoản 2 điều 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT

53. Giao rừng cho hộ gia đình cá nhân

1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1: chuẩn bị

- Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách của Nhà nước về việc giao rừng và nghĩa vụ, quyền lợi của chủ rừng cho nhân dân ở địa phương mình.

- Thành lập ban chỉ đạo và Hội đồng giao rừng: ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo giao rừng và Tổ công tác giao rừng cấp huyện. ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng giao rừng của xã (*Phụ lục 2 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

- Chuẩn bị kinh phí, vật tư kỹ thuật phục vụ cho việc giao rừng.

b) Bước 2: tiếp nhận đơn và xét duyệt đơn

- Hộ gia đình, cá nhân nộp đơn đề nghị giao rừng tại thôn hoặc tại ủy ban nhân dân cấp xã (*phụ lục 3 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT*).

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn cho thôn họp toàn thể đại diện các hộ gia đình của thôn để xem xét và đề nghị ủy ban nhân dân cấp xã phương án và điều chỉnh phương án giao rừng cho từng hộ gia đình trong phạm vi thôn.

+ Chỉ đạo Hội đồng giao rừng của xã thẩm tra về điều kiện giao rừng hộ gia đình, cá nhân có đơn đề nghị được giao rừng báo cáo ủy ban nhân dân xã.

Kiểm tra thực địa khu rừng dự kiến giao cho hộ gia đình, cá nhân để đảm bảo các điều kiện, căn cứ giao rừng theo quy định của pháp luật; khu rừng giao không có tranh chấp

+ Xác nhận và chuyển đơn của hộ gia đình, cá nhân đến cơ quan có chức năng tham mưu cho ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý lĩnh vực lâm nghiệp (sau đây viết tắt là cơ quan chức năng cấp huyện).

Thời gian thực hiện của Bước 2 là 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ sau khi ủy ban nhân dân xã nhận được đơn của hộ gia đình, cá nhân.

c) Bước 3: thẩm định và hoàn thiện hồ sơ

Cơ quan chức năng cấp huyện sau khi nhận được đơn của hộ gia đình, cá nhân từ ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến có trách nhiệm:

- Kiểm tra việc xác định tại thực địa và thẩm định hồ sơ khu rừng sẽ giao cho hộ gia đình, cá nhân.

- Tổ chức việc kiểm tra xác định tại thực địa phải lập thành văn bản có chữ ký của đại diện tổ chức tư vấn về đánh giá rừng; đại diện ủy ban nhân dân xã và đại diện hộ gia đình, cá nhân xin giao đất. Nội dung thẩm định hồ sơ nhằm bảo đảm các quy định hiện hành của Nhà nước về giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân.

- Lập tờ trình kèm theo hồ sơ, trình ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân.

- Thời gian thực hiện bước 3 là 15 ngày làm việc.

d) Bước 4: quyết định việc giao rừng

Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi nhận được tờ trình hồ sơ giao rừng do cơ quan chức năng cấp huyện chuyển đến, xem xét quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân (*phụ lục 4 Thông tư 38/2007/TT-BNN*). Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, được gửi đến ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chức năng cấp huyện và hộ gia đình, cá nhân. Thời gian thực hiện bước 4 là 3 ngày làm việc.

đ) Bước 5: thực hiện quyết định giao rừng

- Khi nhận được quyết định giao rừng của ủy ban nhân dân cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm: tổ chức việc bàn giao rừng tại thực địa cho hộ gia đình, cá nhân có sự tham gia của các chủ rừng liền kề; việc bàn giao rừng phải lập thành biên bản bàn giao rừng có sự tham gia và ký tên của đại diện ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện hộ gia đình, cá nhân (*phụ lục 5 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

- Sau khi nhận bàn giao rừng tại thực địa hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm xác định rõ ranh giới đóng mốc khu rừng được giao, được thuê với sự chứng kiến của đại diện uỷ ban nhân dân cấp xã và các chủ rừng liên kề (*phụ lục 6 Thông tư 38/2007/TT-BNN*).

Trong quá trình thực hiện các bước công việc nêu trên, khi hồ sơ đến cơ quan nào thì cơ quan đó có trách nhiệm xem xét và bổ sung vào hồ sơ giao rừng những nội dung công việc của mỗi bước cho tới khi hoàn thành việc giao rừng; nếu hộ gia đình, cá nhân không đủ điều kiện được giao rừng thì cơ quan nhận hồ sơ phải trả lại hồ sơ cho cơ quan gửi đến và thông báo rõ lý do về việc hộ gia đình, cá nhân không được giao rừng. Thời gian thực hiện bước 4 là 3 ngày làm việc.

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Đơn đề nghị giao rừng
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 36 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân huyện
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan chức năng cấp huyện
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp xã

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình, cá nhân

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị giao rừng

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 4 mục II TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007
- Khoản 1 điều 3 Thông tư số 25/2011/BNN-PTNT

54. Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện (chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn)

1. Trình tự thực hiện

Bước 1: gửi văn bản về việc trả lại rừng

Khi chuyển đi nơi khác hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng, chủ rừng có trách nhiệm gửi văn bản trả lại rừng kèm theo quyết định giao rừng, cho thuê rừng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ quan nhà nước như sau:

- Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn gửi văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 2: xử lý văn bản

Sau khi nhận được văn bản trả lại rừng của chủ rừng, uỷ ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét và giao trách nhiệm cho cơ quan có chức năng cấp huyện thẩm tra, chỉ đạo xác minh đặc điểm khu rừng khi cần thiết *trong thời gian 15 ngày làm việc* trình uỷ ban nhân dân cùng cấp quyết định việc thu hồi rừng.

Bước 3: quyết định thu hồi rừng

- Trong *thời gian 05 ngày làm việc*, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, ký và gửi quyết định thu hồi rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn đến cơ quan có chức năng, uỷ ban nhân dân cấp xã.
- Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo việc xác định và xử lý giá trị chủ rừng đã đầu tư vào khu rừng trong *thời gian 10 ngày làm việc* (nếu có).

2. Cách thức thực hiện: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- Văn bản trả lại rừng của chủ rừng kèm theo Quyết định giao rừng, cho thuê rừng hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - UBND cấp huyện

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: - Cơ quan có chức năng cấp huyện

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Ủy ban nhân dân cấp xã

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điểm 3 mục IV TT số 38/2007/TT-BNN ngày 25/4/2007 có hiệu lực ngày 30/7/2007

- Khoản 6 điều 3 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

55. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là tổ chức

1. Trình tự thực hiện:

a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận

c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã;

d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp

- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ:

- Bản đăng ký khai thác

- Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế

- Thuyết minh thiết kế khai thác

- Bản đồ khu khai thác

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản trả lời;

- Nếu sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 9 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

56. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn do chủ rừng tự đầu tư hoặc Nhà nước hỗ trợ của chủ rừng là hộ gia đình

57. Khai thác cây trồng trong vườn nhà, trang trại và cây trồng phân tán của chủ rừng là hộ gia đình

58. Khai thác tận dụng các cây gỗ đứng đã chết khô, chết cháy, cây đổ gãy; tận thu các loại gỗ nằm, gốc, rễ, cành nhánh của chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng tự đầu tư hoặc nhà nước hỗ trợ)

59. Khai thác các loài lâm sản ngoài gỗ và tre nứa của chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình (trừ các loài trong danh mục Cites và nhựa thông trong rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại).

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức, hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Bản đăng ký khai thác
 - Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).
- Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác

9. Kết quả thực hiện TTHC

- Văn bản trả lời;
- Nếu sau thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 13, 14, 19, 20, 24, 25 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

60. Khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là hộ gia đình

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Bản đăng lý khai thác
 - Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
 - Sơ đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã

- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản trả lời;

- Nếu sau thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 20 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

61. Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức (đối với rừng trồng bằng vốn tự đầu tư)

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ
 - Bản đăng ký khai thác
 - Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
 - Hồ sơ thiết kế, dự án lâm sinh do chủ rừng tự phê duyệt hoặc đề cương nghiên cứu khoa học, kế hoạch đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời gian 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức (Gồm: các công ty, lâm trường, ban quản lý rừng, các doanh nghiệp lâm nghiệp, các hợp tác xã có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp)

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản trả lời.

- Nếu sau thời gian 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 12 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

62. Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh của chủ rừng là hộ gia đình (đối với rừng trồng)

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các Hộ gia đình xây dựng và nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã;
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cấp xã;
- d) Nhận kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ:
 - Bản đăng ký khai thác
 - Bảng dự kiến sản phẩm khai thác
 - Biên bản xác nhận của kiểm lâm địa bàn hoặc cán bộ lâm nghiệp xã
 - Bản thiết kế hoặc dự án lâm sinh do chủ rừng tự phê duyệt.
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không có ý kiến thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp xã
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ủy ban nhân dân cấp xã
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ rừng là hộ gia đình (Gồm: các Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ; các chủ rừng khác không có đăng ký kinh doanh lâm nghiệp).

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản trả lời;

- Nếu sau thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì chủ rừng được khai thác theo hồ sơ đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 23 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

V. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN Ở CƠ QUAN ĐƠN VỊ KHÁC

63. Cho phép Trồng cao su trên đất rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức không thuộc tỉnh.

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- b) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp; kiểm tra hồ sơ;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- d) Nhận kết quả tại Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp .
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện .

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ
 - Văn bản đề nghị của các Tổ chức
 - Báo cáo kết quả điều tra hiện trạng đất, rừng khu vực đề nghị chuyển đổi, kèm theo các tài liệu điều tra, khảo sát của đơn vị tư vấn;
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải thông báo cho tổ chức biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tổ chức được chuyển rừng sang trồng cao su.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Lâm nghiệp)
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng , chủ đầu tư là tổ chức.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép chuyển rừng sang trồng cao su.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Điều 6 Thông tư số 58/2009/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn trồng cao su trên đất lâm nghiệp;
- Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị Quyết 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.

64. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại của các chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- b) Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp kiểm tra hồ sơ;
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;
- d) Nhận kết quả tại cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp;

2. Cách thức thực hiện

Gửi hồ sơ trực tiếp .

Gửi hồ sơ qua đường bưu điện .

3. Hồ sơ

- a) Tên thành phần hồ sơ
 - Tờ trình đề nghị phê duyệt hồ sơ của Tổ chức
 - Bản thuyết minh hồ sơ khai thác
 - Bản đồ khu khai thác
- b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận phê duyệt hồ sơ, cấp phép khai thác và trả kết quả cho chủ rừng.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh..

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Đề cương thuyết minh thiết kế khai thác

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt hồ sơ và cấp phép khai thác

Thời hạn có hiệu lực: không.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 8 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

65. Khai thác tận dụng trong quá trình thực hiện các biện pháp lâm sinh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo nghề của chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh (đối với rừng tự nhiên và rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại)

1. Trình tự thực hiện:

- a) Các tổ chức xây dựng và nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp;
- b) đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp kiểm tra hồ sơ và viết giấy biên nhận
- c) Hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp;

d) Nhận kết quả tại đơn vị quản lý cấp trên trực tiếp;

2. Cách thức thực hiện

- Gửi hồ sơ trực tiếp
- Gửi hồ sơ qua đường bưu điện

3. Hồ sơ

a) Tên thành phần hồ sơ

- Bản đăng ký khai thác
- Bản dự kiến sản phẩm khai thác.
- Hồ sơ thiết kế, dự án lâm sinh hoặc đề cương nghiên cứu khoa học, kế hoạch đào tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu chưa hợp lệ cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo cho chủ rừng biết để bổ sung theo quy định.
- Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, nếu cơ quan có thẩm quyền không có ý kiến thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp
- b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp
- d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các chủ rừng là tổ chức không thuộc tỉnh.

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Mẫu Bản đăng ký khai thác; Bảng dự kiến sản phẩm khai thác.

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Văn bản trả lời.
- Nếu sau thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, không có văn bản trả lời thì được khai thác tận dụng theo hồ sơ đã đăng ký.

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC: Điều 12 Thông tư số 35/2011/TT-BNNPTNT ngày 20 tháng 5 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện việc khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

66. Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thông thường trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (Phạm vi giải quyết của Ban quản lý rừng đặc dụng)

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ban quản lý rừng đặc dụng
- Ban quản lý rừng đặc dụng kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Ban quản lý rừng đặc dụng

2. Cách thức thực hiện

- Gửi trực tiếp,
- Gửi qua Bưu điện.

3. Hồ sơ

- Công văn xin phép nghiên cứu thu mẫu
- Chương trình, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học kèm quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý rừng đặc dụng thẩm định và ban hành công văn chấp thuận

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý rừng đặc dụng
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban quản lý rừng đặc dụng
- Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Thông tư 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 có hiệu lực ngày 21/11/2006 hướng dẫn Quy chế quản lý rừng kèm QĐ 186/QĐ-TTg.
- Khoản 3, Điều 7 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT

67. Lưu giữ, sưu tầm mẫu vật, nguồn gen sinh vật rừng thuộc nhóm thực vật rừng, động vật rừng quý hiếm trong khu rừng đặc dụng vì mục đích khoa học (Phạm vi giải quyết Ban quản lý rừng đặc dụng)

1. Trình tự thực hiện

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ban quản lý rừng đặc dụng
- Ban quản lý rừng đặc dụng kiểm tra hồ sơ
- Hoàn chỉnh hồ sơ
- Nhận kết quả tại Ban quản lý rừng đặc dụng

2. Cách thức thực hiện

- Gửi trực tiếp,
- Gửi qua Bưu điện.

3. Hồ sơ

- Công văn xin phép nghiên cứu thu mẫu
- Công văn chấp thuận của Bộ Nông nghiệp và PTNT; bản sao y chương trình, đề tài, đề án nghiên cứu khoa học hoặc được cấp thẩm quyền phê duyệt
- Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý rừng đặc dụng thẩm định và ban hành công văn chấp thuận

5. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý rừng đặc dụng
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có):

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban quản lý rừng đặc dụng

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các tổ chức, cá nhân

7. Lệ phí: Không

8. Mẫu đơn, tờ khai: Không

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận

10. Điều kiện thực hiện TTHC: Không

11. Căn cứ pháp lý của TTHC

- Thông tư 99/2006/TT-BNN ngày 6/11/2006 có hiệu lực ngày 21/11/2006 hướng dẫn Quy chế quản lý rừng kèm QĐ 186/QĐ-TTg.

- Khoản 3, Điều 7 Thông tư 25/2011/TT-BNNPTNT.